

Quy Nhơn, ngày tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO

CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TẠI ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2018 của Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 thông qua (Nghị quyết số 656/NQ-VSH-ĐHCĐ ngày 30/5/2018) và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Qua một năm triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

A. Về sản xuất kinh doanh:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Tình hình thủy văn cuối năm 2017 thuận lợi, các hồ chứa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn & Nhà máy Thủy điện Sông Hình tích đạt 100% dung tích hồ chứa.

Tuy nhiên so với năm 2017 thì năm 2018 tình hình thời tiết khí hậu thay đổi bất thường, gây nhiều khó khăn ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh, lưu lượng nước về các hồ chứa của 02 nhà máy tương đối thấp. Lưu lượng nước về bình quân năm 2018 của Nhà máy Vĩnh Sơn là 3,80 m³/s thấp hơn so với năm 2017 (3,80/ 21,62 m³/s), Nhà máy Sông Hình là 47,96 m³/s thấp hơn so với năm 2017 (47,96/ 96,73 m³/s). Tổng sản lượng điện sản xuất năm 2018 đạt 730,27 triệu kWh giảm so với năm 2017 (730,27/ 865,43 triệu kWh).

Năm 2018 Công ty đã thực hiện và đạt được một số chỉ tiêu như sau:

1. Về tăng doanh thu sản xuất kinh doanh điện:

a) Đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu hệ thống và việc tham gia thị trường điện (bảng số 1):

- *Điện sản xuất*: Tổng sản lượng điện sản xuất năm 2018 đạt 730,27 triệu kWh đạt 97,37% so với kế hoạch năm 2018 (730,27/750,00 triệu kWh), giảm so với năm 2017 (730,27/ 865,43 triệu kWh). Trong đó:

+ Nhà máy Vĩnh Sơn: 336,71 triệu kWh;

+ Nhà máy Sông Hình: 393,57 triệu kWh.

- *Điện thương phẩm*: Tổng sản lượng điện thương phẩm năm 2018 đạt 722,42/ 740,90 triệu kWh, đạt 97,51% so với kế hoạch và giảm so với cùng kỳ năm 2017 (722,42/ 856,17 triệu kWh). Trong đó:

+ Nhà máy Vĩnh Sơn: 333,69 triệu kWh;

+ Nhà máy Sông Hinh: 388,73 triệu kWh.

- *Điện tự dùng và tổn thất*: Tổng điện tự dùng 02 nhà máy trong năm 2018 là 7,85 triệu kWh.

+ Nhà máy Vĩnh Sơn: 3,01 triệu kWh;

+ Nhà máy Sông Hinh: 4,84 triệu kWh.

Tỷ lệ điện tự dùng và tổn thất của hai nhà máy năm 2018 là 1,08% (Nhà máy Vĩnh Sơn: 0,92%; Nhà máy Sông Hinh: 1,23%)

- Tuân thủ đúng quy định thị trường điện và quy định vận hành liên hồ chứa.

Bảng số 01:

Đơn vị	Năm 2018		Thực hiện năm 2017	So với kế hoạch năm 2018 (%)	So với cùng kỳ năm 2017 (%)
	Kế hoạch	Thực hiện			
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(3)	(8)=(4)/(5)
1. Điện sản xuất (Tr.kWh)	750,00	730,27	865,43	97,37	84,38
Nhà máy Vĩnh Sơn	350,00	336,71	415,41	96,20	81,05
Nhà máy Sông Hinh	400,00	393,57	450,01	98,39	87,46
2. Điện thương phẩm (Tr.kWh)	740,90	722,42	856,17	97,51	84,38
Nhà máy Vĩnh Sơn	346,50	333,69	412,20	96,30	80,95
Nhà máy Sông Hinh	394,40	388,73	443,97	98,56	87,56
3. Điện tự dùng (Tr.kWh)	9,10	7,85	9,25	86,32	84,90
Nhà máy Vĩnh Sơn	3,50	3,01	3,21	86,14	93,84
Nhà máy Sông Hinh	5,60	4,84	6,04	86,43	80,15
4. Tỷ lệ điện tự dùng (%)	1,20	1,08	1,07	-	-
Nhà máy Vĩnh Sơn	1,00	0,90	0,77	-	-
Nhà máy Sông Hinh	1,40	1,23	1,34	-	-

b) Kết quả sản xuất kinh doanh:

* *Doanh thu*: Tổng doanh thu năm 2018 đạt 597,56/559,03 tỷ đồng, đạt 106,89% so với kế hoạch năm 2018 và tăng 106,40% so với cùng kỳ. Trong đó:

+ Doanh thu sản xuất kinh doanh điện năm 2018 đạt 562,81/ 529,03 tỷ đồng, đạt 106,38% so với kế hoạch năm 2018 và tăng 106,98% so với cùng kỳ;

Trong đó doanh thu từ thị trường điện là 183,884 tỷ đồng đạt 130,28% so với KH (183,884/141,146 tỷ đồng). Giá bán điện bình quân chưa bao gồm thuế, phí là 657 đồng/kWh (bao gồm thuế, phí là 779 đồng/kWh)

+ Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác năm 2018 đạt 34,76/30,00 tỷ đồng, đạt 115,86% so với kế hoạch năm 2018 và đạt 97,73% so với cùng kỳ.

* *Chi phí*: Tổng chi phí năm 2018 là: 256,89/250,72 tỷ đồng, tăng 102,46% so với kế hoạch năm 2018 và tăng 105,91% so với cùng kỳ. Trong đó:

+ Chi phí sản xuất điện năm 2018 là 238,65/241,52 tỷ đồng, giảm 98,81% so với kế hoạch năm 2018 và tăng 100,19% so với cùng kỳ;

+ Chi phí từ hoạt động tài chính và chi phí dịch vụ khác năm 2018 là 18,24/ 9,20 tỷ đồng, tăng 198,22% so với kế hoạch năm 2018 và tăng 418,42% so với cùng kỳ.

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

Bảng số 02:

Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh TH/KH %
Doanh thu	Tr.đồng	559.029,00	597.564,90	106,89
- Từ sản xuất điện	Tr.đồng	529.029,00	562.807,39	106,38
+ Theo Hợp đồng	Tr.đồng	387.882,91	378.923,05	97,69
+ Theo thị trường	Tr.đồng	141.146,08	183.884,34	130,28
- Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	29.500,00	33.353,52	113,06
- Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	500,00	770,12	154,02
Tổng chi phí	Tr.đồng	250.715,23	256.885,78	102,46
Chi phí sản xuất điện	Tr.đồng	241.515,23	238.649,37	98,81
Chi phí tài chính và dịch vụ khác	Tr.đồng	9.200,00	18.236,42	198,22
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	309.913,77	342.496,16	110,51
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	277.002,39	306.207,17	110,54
Lợi nhuận ST được phân phối	Tr.đồng	247.931,02	273.996,92	110,51
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	13,43	14,85	110,57

2. Về thực hiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

2.1. Về tổn thất qua máy biến áp và tự dùng:

Tỷ lệ tổn thất qua máy biến áp và tự dùng cho cả hai nhà máy thực hiện năm 2018 là 1,08% so với kế hoạch là 1,2%. Trong đó, Nhà máy thủy điện

Vĩnh Sơn tỷ lệ tổn thất qua máy biến áp và điện dùng sản xuất điện là 0,92%/0,95%; Nhà máy thủy điện Sông Hình là 1,23%/1,35%.

2.2. Về suất sự cố, hệ số sẵn sàng:

- Suất sự cố của 2 nhà máy thực hiện trong năm là 0,167 so với kế hoạch 0,208. Trong đó: Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn là 0,167/0,208; Nhà máy thủy điện Sông Hình là 0,167/0,208.

- Hệ số sẵn sàng của 2 nhà máy thực hiện trong năm là 0,971 so với kế hoạch 0,955. Trong đó: Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn là 0,968/0,955; Nhà máy thủy điện Sông Hình là: 0,975/0,955.

2.3. Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật:

Trong năm 2018 đã triển khai thực hiện, nghiệm thu được 06 sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh điện của Công ty.

2.4. Công tác An toàn lao động, vệ sinh lao động, PCCN, bảo vệ môi trường:

Công ty tổ chức thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, PCCN nên trong năm 2018 không có tai nạn lao động và sự cố cháy nổ. Thực hiện tốt công tác kiểm soát môi trường, quản lý chất thải nguy hại đúng quy định.

3. Về giảm chi phí sản xuất kinh doanh:

Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tối ưu hóa chi phí trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, rà soát các định mức vật tư thiết bị theo đúng quy trình, quy định, số lượng, chủng loại phù hợp với nhu cầu sử dụng, không để tình trạng thừa vật tư sau sửa chữa. Đối với vật tư, thiết bị thu hồi còn sử dụng được, ưu tiên đưa vào bảo dưỡng, tái sử dụng trong quá trình sửa chữa lớn nhằm tiết giảm tối đa chi phí sửa chữa lớn (SCL).

Tiết kiệm triệt để chế độ hội nghị, công tác phí, tiếp khách, sử dụng trang bị, điện thoại, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, quản lý phương tiện vận tải, chi phí văn phòng phẩm, bảo hộ lao động, an ninh quốc phòng, công nghệ thông tin...

Tiến hành đánh giá, thanh xử lý VTTB tồn đọng, kém, mất phẩm chất nhằm giảm giá trị hàng tồn kho.

Thực hiện nghiêm túc, triệt để quy trình vận hành thiết bị trạm, đường dây, MBA, tránh các tổn thất điện năng do nguyên nhân khách quan và chủ quan gây ra ngay từ đầu năm nhằm đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu.

II. Mục tiêu, Phương hướng và giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Đến ngày 31/12/2018 lượng nước tích được tại 03 hồ Nhà máy Vĩnh Sơn là 4,62% so với dung tích hữu ích thiết kế, hồ Nhà máy Sông Hình là

100% so với dung tích hữu ích thiết kế. Chi tiết tình hình mực nước tại các hồ của 02 nhà máy đến hết ngày 31/12/2018 như sau:

* Nhà máy Vĩnh Sơn:

Hồ A: 768,38m/ 775,00m

Hồ B: 813,53m/ 826,00m

Hồ C: 970,40m/ 981,00m

Tổng dung tích tồn 6,34/137,23 triệu m³ đạt 4,62% so với dung tích hữu ích thiết kế.

* Nhà máy Sông Hình:

Hồ Sông Hình: 209,00 m/ 209,00m (Dung tích tồn: 323,53 triệu m³) đạt 100% so với dung tích hữu ích thiết kế.

Năm 2019, dự báo tình hình khí hậu biến đổi bất lợi, diễn biến phức tạp, hạn hán, nắng nóng cục bộ và gay gắt vẫn còn tiếp diễn.

Phát huy những thuận lợi về mặt cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực hiện có. Tiếp tục quán triệt Quyết định tối ưu hoá chi phí sản xuất trên cơ sở kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018, Tổng giám đốc sẽ chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng trưởng sản xuất kinh doanh, xây dựng chiến lược tối ưu hoá dòng tiền. Thực hiện các giải pháp phù hợp để tiết giảm giá trị hàng tồn kho, chi phí SCL, dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác bằng tiền.

Năm 2019 là năm tập trung thực hiện thi đua thắng lợi nhiệm vụ SXKD với chủ đề “Nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống điện và thị trường điện” Công ty sẽ bám sát theo định hướng của Tổng Công ty phát điện 3.

Tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định về quản lý và điều hành nội bộ của Công ty. Quan tâm thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động. Cải thiện đời sống và thu nhập của người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ. Triển khai, xây dựng đồng bộ quan hệ lao động hài hoà, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong quá trình lao động. Phát huy tinh thần dân chủ, đoàn kết nội bộ, minh bạch trong sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác ATLĐ, VSCN, PCCN và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

Đẩy mạnh các giải pháp và đồng bộ tối ưu hoá nguồn lực trong công tác vận hành thị trường điện, đảm bảo đáp ứng tốt tất cả các giai đoạn của Thị trường điện Việt Nam, cố gắng đạt doanh thu cao nhất trong thị trường.

Tăng cường năng lực cán bộ và cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo tối ưu cho công tác vận hành các hồ chứa, sẵn sàng ứng phó trước những biến đổi

khó lường của khí hậu. Điều tiết hợp lý nguồn nước giữa các hồ, đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa công tác sản xuất điện và cấp nước cho hạ du vào mùa kiệt.

Triển khai tối ưu các chiến lược chào giá trong thị trường điện, đảm bảo đạt vượt mức chỉ tiêu kế hoạch doanh thu thị trường mà Ban điều hành đã đề xuất.

Nâng cao chất lượng vận hành và quản lý kỹ thuật, đảm bảo đạt hệ số khả dụng khả dụng kế hoạch. Giảm thiểu tối đa, không để xảy ra xuất sự cố chủ quan trong năm. phấn đấu đáp ứng 100% khả năng nhu cầu huy động của hệ thống điện quốc gia.

Như vậy, so với năm 2018 thì năm 2019 nhiệm vụ sản xuất kinh doanh sẽ gặp không ít những khó khăn và thách thức mới. Công ty sẽ cố gắng đảm bảo phương tiện, thiết bị và phương thức vận hành để có thể huy động tối đa công suất, đảm bảo khai thác hiệu quả hết mức công suất khả dụng của từng tổ máy.

Căn cứ tình hình thực tế tại các hồ và kinh nghiệm vận hành nhà máy trong hơn 20 năm qua, Ban điều hành Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh lập kế hoạch sản lượng điện sản xuất năm 2019 như sau:

Bảng số 03:

TT	Nội dung	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng cộng
1	Điện sản xuất (Tr.kWh)	145,92	138,78	122,57	200,52	607,78
1.1	Nhà máy Vĩnh Sơn	25,25	35,35	32,32	88,98	181,90
1.2	Nhà máy Sông Hinh	120,67	103,43	90,25	111,54	425,88
2	Điện thương phẩm (Tr.kWh)	143,97	136,98	120,98	198,07	600,00
2.1	Nhà máy Vĩnh Sơn	25,00	35,00	32,00	88,09	180,08
2.2	Nhà máy Sông Hinh	118,98	101,98	88,98	109,98	419,92
3	Điện tự dùng + tổn thất (Tr.kWh)	1,94	1,80	1,59	2,45	7,78
3.1	Nhà máy Vĩnh Sơn	0,25	0,35	0,32	0,89	1,82
3.2	Nhà máy Sông Hinh	1,69	1,45	1,26	1,56	5,96
4	Tỷ lệ điện tự dùng (%)	1,20	1,20	1,20	1,20	1,20
4.1	Nhà máy Vĩnh Sơn	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00
4.2	Nhà máy Sông Hinh	1,40	1,40	1,40	1,40	1,40

Kế hoạch thực hiện 1 số chỉ tiêu SXKD năm 2019 như sau:

- Sản lượng điện sản xuất 2 nhà máy: 607,78 triệu kWh
- Sản lượng điện thương phẩm 2 nhà máy: 600 triệu kWh
- Tổng doanh thu: 441,5 tỷ đồng, trong đó:
- + Doanh thu từ sản xuất điện: 440,1 tỷ đồng

Với giá điện bình quân bao gồm thuế, phí là 733 đồng/kWh; Doanh thu từ thị trường điện là 113 tỷ đồng.

+ Doanh thu từ hoạt động tài chính:	0,9 tỷ đồng
+ Doanh thu khác:	0,5 tỷ đồng
- Chi phí:	235,4 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	207,5 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	187,6 tỷ đồng

• **Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu SXKD cơ bản năm 2019 (hợp nhất) như sau:**

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018		Kế hoạch 2019
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	750.00	730.27	607.00
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	741.00	722.42	600.00
3	Doanh thu	Tr.đồng	559,029.00	597,564.90	441,515.00
3.1	- Doanh thu từ sản xuất điện	Tr.đồng	529,029.00	562,807.39	440,115.00
3.2	- Doanh thu từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	29,500.00	33,353.52	900.00
	+ Lãi tiền gửi ngân hàng		29,500.00	22,071.64	900.00
	+ Lãi CLTG		-	11,281.88	-
3.3	- Doanh thu từ dịch vụ khác (Cty con,...)	Tr.đồng	500.00	770.12	500.00
3.4	- Doanh thu khác		-	633.88	-
4	Chi phí	Tr.đồng	250,715.23	256,885.78	235,435.39
4.1	- Chi phí sản xuất điện	Tr.đồng	241,515.23	238,649.37	227,335.39
	+ Chi phí O&M		70,089.14	69,955.55	73,150.55
	+ Thuế tài nguyên		63,750.08	62,151.45	51,595.07
	+ Phí dịch vụ môi trường rừng		26,676.00	26,007.06	21,589.78
	+ Khấu hao		81,000.00	80,535.31	81,000.00
4.2	- Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	7,500.00	15,756.54	7,300.00
	+ Trả lãi vay ngân hàng		5,000.00	1,385.07	1,300.00
	+ Chênh lệch tỷ giá		2,500.00	14,371.47	6,000.00
4.3	- Chi phí hoạt động Cty con	Tr.đồng	1,700.00	1,277.42	800.00
4.4	- Chi phí khác	Tr.đồng	-	1,202.46	-
5	Lợi nhuận từ Công ty liên kết	Tr.đồng	1,600.00	1,817.04	1,500.00
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	309,913.77	342,496.16	207,579.62
7	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đồng	61,982.75	68,499.23	41,515.92
	- Thuế TNDN thực nộp	Tr.đồng	32,911.38	36,288.98	19,937.96
	- Thuế TNDN ưu đãi		29,071.38	32,210.25	21,577.96
8	Thuế thu nhập hoãn lại	Tr.đồng	-	-	-
9	Lợi nhuận sau thuế thực hiện	Tr.đồng	277,002.39	306,207.17	187,641.65
10	Lợi nhuận sau thuế được chia		247,931.02	273,996.92	166,063.69
11	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	13.43	14.85	9.10
12	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10.00	0.00	8.00
13	Số tiền chi trả cổ tức	Tr.đồng	206,241.25	0.00	164,993.00

14	Trích lập các quỹ	Tr.đồng	39,108.64	12,608.00	7,128.99
	- Quỹ dự phòng tài chính		-		-
	- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-		-
	- Quỹ khen thưởng HDQT+BKS		500.00	500.00	500.00
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8,152.46	8,152.00	5,432.99
	+ Khen thưởng		4,076.23	4,076.00	2,716.49
	+ Phúc lợi		4,076.23	4,076.00	2,716.49
	- Thưởng thị trường điện		0.00	2,500.00	
	- Quỹ khen thưởng các đơn vị ngoài		710.00	710.00	800.00
	- Hỗ trợ nhà tình nghĩa		250.00	350.00	0.00
	- Thù lao HDQT không chuyên trách		396.00	396.00	396.00
	- Quỹ đầu tư phát triển		29,071.38	0.00	0.00
15	Lợi nhuận chưa phân phối	Tr.đồng	31,652.51	293,599.17	15,519.66
16	Chi phí nhân công sản xuất điện	Tr.đồng	35,277.81	38,545.37	35,297.70
	* Lương Ban Giám đốc, Kế toán trưởng		2,929.80	2,831.60	2,929.80
	* Lương người lao động		29,667.55	29,663.41	29,668.10
	* Thưởng vận hành an toàn		2,680.47	2,680.47	2,699.80
	* Lương bổ sung 10%		0.00	3,369.90	0.00
17	Lao động bình quân	Người	138	138	138
18	Nợ phải trả	Tr.đồng			
19	Vốn tích lũy	Tr.đồng			
20	Tổng vốn đầu tư	Tr.đồng	2,025,196.00	1,666,632.25	988,497.00

B. Công tác đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Thượng Kon Tum:
(chi tiết xem Báo cáo kết quả thực hiện năm 2018 và kế hoạch thực hiện năm 2019 Dự án thủy điện Thượng Kon Tum kèm theo)

I. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Thượng Kon Tum năm 2018:

Tình hình thi công Dự án thủy điện Thượng Kon Tum, trong năm 2018 đáp ứng tiến độ đề ra (trừ hạng mục thi công đào hầm dẫn nước bằng TBM chậm tiến độ), cụ thể như sau:

1.1 Hạng mục tuyển áp lực, bao gồm: Đập dâng, Đập tràn

- Công tác thi công Đập dâng đã hoàn thành.
- Công tác thi công Đập tràn xã lữ đã hoàn thành.
- Công tác lắp đặt thiết bị cơ khí đập tràn, công xả môi trường đã hoàn thành công tác thử khô.

Đang tiến hành nghiệm thu để đưa vào sử dụng, dự kiến thời gian tích nước hồ vào khoảng cuối tháng 8/2019 đầu tháng 9/2019.

1.2. Tuyển năng lượng:

a. Gói thầu thi công CNN và 5km đường hầm:

* Cửa nhận nước:

- Phần xây dựng: Đã hoàn thành công tác bê tông CNN và cầu công tác.
- Phần thiết bị: Đã hoàn thành công tác lắp đặt thiết bị và thử khô.

* 5km đầu đường hầm:

- Công tác đào và gia cố đường hầm dẫn nước từ Km3+110 đến Km5+000:

+ Công tác đào đã hoàn thành: Lũy kế thực hiện được 1890md/TK1890md.

+ Công tác gia cố: Thi công đổ bê tông gia cố nền: Lũy kế được 4928,0md/ TK 4941,5md đạt 99,70% (KL còn lại 13,5md).

Gia cố loại IV: Bê tông cốt thép nền hầm M300, Bê tông cốt thép tường hầm M300, Bê tông cốt thép vòm hầm M300: Lũy kế thực hiện được 49,0md/TK 54,85md.

Theo kế hoạch đến ngày 20/12/2018 hoàn thành gia cố vĩnh cửu toàn bộ 5km đầu đường hầm và đến ngày 31/1/2019 hoàn thành toàn bộ gói thầu sẵn sàng cho công tác tích nước hồ chứa.

b. Gói thầu thi công đường hầm dẫn nước bằng TBM: Do Liên danh nhà thầu Công ty CP Xây dựng 47 và Robbins Mỹ thi công. Đến ngày 30/11/2018 TBM đào được 10.200m/ 10.449m đường hầm, đạt 97,62% khối lượng hợp đồng, khối lượng còn lại: 249,000m. Công tác đào hầm dẫn nước bằng TBM chưa đáp ứng so với tiến độ kế hoạch đề ra.

- Ngày 30/10/2018, sự cố sụp hầm tại Km5+249, hiện nay Công ty TNHH MTV tư vấn khảo sát và xây dựng Điện 2 đang tiến hành xử lý sự cố.

- Công tác khoan hầm bằng TBM đã chính thức ngừng từ 15/3/2019;

- Còn 249m sẽ đào bằng phương pháp khoan nổ và đào từ thượng lưu về hạ lưu;

- Liên danh nhà thầu bắt đầu tháo dỡ TBM từ ngày 20/3/2019, thời gian hoàn thành tháo dỡ phần thân TBM ngày 04/6/2019.

c. Gói thầu thi công cụm nhà máy ngầm, buồng điều áp khí nén, hầm áp lực, giếng đứng, trạm PP 220kV...

Gói thầu này do Công ty CP Sông Đà 10 thi công đáp ứng tiến độ đề ra. Chỉ có hạng mục Buồng điều áp khí nén chậm tiến độ do điều kiện thi công khắc nghiệt, khối lượng tăng gấp đôi, hiện tại Nhà thầu đã hoàn thành hạng mục này.

* *Cung cấp thiết bị cơ điện:* Tổ chức tiếp nhận, bảo quản các thiết bị Nhà thầu Andritz đã bàn giao theo đúng quy định.

* *Lắp đặt thiết bị cơ điện:* Đảm bảo tiến độ năm 2018.

1.3. Tổng giá trị thực hiện trong năm 2018 là 1.666,632 tỷ đồng, đạt 82% so với kế hoạch năm 2018.

II. Kế hoạch đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Thượng Kon Tum năm 2019:

2.1. Tuyển áp lực:

- Hoàn thiện công tác nghiệm thu các cấp, bàn giao để đưa vào sử dụng hạng mục công trình Tuyển áp lực (bao gồm: cấp cơ sở, cấp Công ty và cấp Nhà nước)

- Tiến hành nút công dẫn dòng để tích nước hồ chứa vào cuối tháng 7 hoặc tháng 8 năm 2019.

2.2. Tuyển năng lượng:

a. Hạng mục: Cửa nhận nước và 5km đầu đường hầm:

- Đào khoan nổ 249 m đường hầm (trước đây đào bằng TBM);

- Hoàn thiện công tác xây dựng;

- Tổ chức nghiệm thu các cấp, bàn giao để đưa vào sử dụng hạng mục công trình (bao gồm: cấp cơ sở, cấp Công ty và cấp Nhà nước) phục vụ cho việc tích nước hồ chứa.

- Tổ chức thử nghiệm nạp nước đường hầm để phục vụ cho việc phát điện.

b- Hạng mục thi công đường hầm dẫn nước bằng TBM:

- Tháo dỡ TBM;

- Hoàn thiện công tác xây dựng (gia cố đường hầm);

- Nút hầm phụ 1.

c. Hạng mục Cụm nhà máy:

- Hoàn thiện công tác xây dựng;

- Tổ chức nghiệm thu các cấp, bàn giao để đưa vào sử dụng hạng mục công trình (bao gồm: cấp cơ sở, cấp Công ty và cấp Nhà nước).

d. Công tác lắp đặt thiết bị cơ điện:

- Hoàn thành toàn bộ công tác lắp đặt thiết bị cơ điện nhà máy và trạm phân phối;

- Tổ chức nghiệm thu các cấp, bàn giao để đưa vào sử dụng hạng mục công trình (bao gồm: cấp cơ sở, cấp Công ty và cấp Nhà nước);

- Tổ chức thử tải, nghiệm thu đóng điện;

- Phát điện 02 tổ máy vào cuối năm 2019.

2.3. Công tác tiếp nhận thiết bị cơ điện: hoàn thành công tác tiếp nhận, vận chuyển và bảo quản thiết bị, cũng như bàn giao cho nhà thầu lắp đặt trong năm 2019.

2.4. Công tác bồi thường - GPMB, thu hồi giao đất và di dân, tái định cư:

a. Công tác bồi thường – GPMB: Trong năm 2019, tiếp tục giải quyết dứt điểm các tồn tại của công tác bồi thường - GPMB, chi trả xong các chi phí hỗ trợ đã được phê duyệt cho người dân. Quyết toán chi phí bồi thường.

b. Công tác di dân, tái định cư: phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết tốt công tác hậu tái định cư. Đôn đốc Ban QLDA di dân của huyện KonPlông tiến hành nghiệm thu bàn giao để đưa toàn bộ Dự án thành phần di dân, tái định cư vào sử dụng và quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

2.5. Công tác chuẩn bị tích nước hồ chứa:

Thực hiện tốt các nội dung công việc chuẩn bị tích nước hồ chứa theo tiến độ đã được phê duyệt tại Quyết định số 1304/QĐ-VSH-HĐQT ngày 06/9/2017 của HĐQT, và Quyết định số 1082/QĐ-VSH-KHĐT ngày 24/7/2017 của Tổng Giám đốc. Đảm bảo đủ điều kiện để tích nước hồ chứa đúng tiến độ đề ra.

- Hiện nay, còn tồn tại 02 vấn đề sau:

(1) Nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng các hạng mục phục vụ cho việc tích nước hồ chứa là: hạng mục Đập dâng, Đập tràn và Cửa nhận nước;

(2) Chấp thuận của Bộ TNMT về công tác thu dọn lòng hồ và cho phép tích nước hồ chứa.

2.6. Công tác chuẩn bị sản xuất:

Triển khai công tác chuẩn bị sản xuất nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum, bao gồm:

- Tiếp tục trang bị cơ sở vật chất ban đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Ban chuẩn bị sản xuất;

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng các chức danh vận hành nhà máy, vận hành công trình thủy công.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực để tiếp quản, tổ chức khai thác, vận hành nhà máy đáp ứng các yêu cầu đề ra.

2.7. Dự kiến kế hoạch vốn cho dự án Thượng Kon Tum trong năm 2019 là 988,497 tỷ đồng.

2.8. Công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng: Tiếp tục phối hợp với đơn vị Tư vấn Luật để thực hiện tốt công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng với Nhà thầu Hoa Đông – Trung Quốc.

2.9. Công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình:

Triển khai công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sau khi công trình đưa vào khai thác, sử dụng đảm bảo thời gian quy định.

2.10. Công tác đàm phán giá điện cho nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum:

- Trình Bộ Công thương phê duyệt hiệu chỉnh sản lượng điện bình quân năm theo Quy trình vận hành hồ chứa liên hồ và đơn hồ được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Công thương phê duyệt;

- Triển khai công tác đàm phán giá điện với Công ty Mua Bán điện, và EVN.

2.11. Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2019
I	Xây lắp	184.000
1	Tuyến áp lực (bao gồm xây dựng nhà bảo vệ, nhà ở khu vận hành)	10.000
2	Tuyến năng lượng	147.000
a	<i>Thi công CNN và 5km đầu đường hầm</i>	<i>10.000</i>
b	<i>Đường hầm dẫn nước từ km5-km14+447 (thi công bằng TBM)</i>	<i>77.000</i>
c	<i>Thi công cụm nhà máy</i>	<i>60.000</i>
3	Chi phí xây dựng và cải tạo đường dây và TBA cấp điện tự dùng tuyến áp lực, CNN và khu vực Nhà máy, Buồng điều áp khí nén	15.000
4	Sửa chữa đường ngoài công trường	4.000
a	<i>Khu vực nhà máy</i>	<i>2.000</i>
b	<i>Khu vực cụm đầu mối</i>	<i>2.000</i>
5	Thu dọn lòng hồ	6.000
6	Cấp nước Khu quản lý vận hành	2.000
II	Thiết bị	234.605
1	Trả tiền mua thiết bị cơ điện cho AH	160.000
2	Thiết bị cửa nhận nước	2.605
3	Chi phí đặt và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị cơ điện	70.000
4	Chi phí tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản thiết bị cơ điện	2.000
III	Chi phí khác	533.566
1	Chi phí khảo sát, lập thiết kế, dự toán và thẩm tra	7.500
a	<i>Thiết kế bản vẽ thi công tuyến năng lượng và giám sát tác giả</i>	<i>4.000</i>
b	<i>Thẩm tra thiết kế, dự toán công trình</i>	<i>1.500</i>
c	<i>Mô tả địa chất hố móng tuyến năng lượng</i>	<i>2.000</i>
2	Chi phí giám sát môi trường	240
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng các hạng mục công trình	10.000
4	Chi phí bồi thường-GPMB, trồng rừng..	2.000
5	Chi phí vụ kiện 24/12	30.000
6	Chi phí lãi vay	467.000
7	Chi phí bảo vệ công trường	594
8	Kiểm toán công trình	5.000
9	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống trạm 110 KV	832
10	Chi phí thực hiện các công việc tư vấn trước khi tích nước hồ chứa, tính toán sản lượng điện	4.000
11	Chi phí tư vấn lập thỏa thuận đấu nối, SCADA, role bảo vệ, hệ thống đo đếm	-
12	Chi phí kiểm định chất lượng đập dâng	2.400

13	Chi phí nghiệm thu, thử tải đóng điện	1.500
14	Chi phí lắp đặt hệ thống bảo động mở công, giám sát vận hành xả lũ, xả dòng chảy tối thiểu, hệ thống cảnh báo lũ, còi hú ...	2.500
IV	Chi phí Ban QLDA	16.326
V	Chi phí Ban chuẩn bị sản xuất	20.000
VI	Chi phí xây dựng Dự án thành phần di dân, tái định cư	-
	Cộng	988.497

III- Tình hình huy động vốn đầu tư Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum:

1. Tổng mức đầu tư:

- + Được phê duyệt lần đầu: 5.744,425 tỷ đồng
- + Điều chỉnh lần 1: 7.407,749 tỷ đồng
- + Dự kiến điều chỉnh lần 2: 9.428,595 tỷ đồng

2. Chương trình đã thu xếp vốn cho dự án theo TMĐT điều chỉnh lần 1:

2.1. Cơ cấu nguồn vốn dự án:

STT	Phương án nguồn vốn	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Vốn tự có	2.222.324	30,0%
2	Phát hành trái phiếu	1.000.000	13,5%
3	Vay Nước Ngoài	573.902	7,7%
4	Vay Thương mại trong nước	3.611.523	48,8%
	Tổng cộng	7.407.749	100%

2.2. Kết quả thu xếp vốn đã thực hiện:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Phương án nguồn vốn	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Vốn tự có	2.222.000	30,0%
3	Vay Nước Ngoài	640.000	7,7%
4	Vay Thương mại trong nước	4.545.749	62,3%
	Tổng cộng	7.407.749	100%

- Về vốn tự có: Chủ đầu tư sử dụng lợi nhuận tích lũy, đảm bảo tỷ lệ 30%.
- Về vay nước ngoài: Công ty đã ký và đang thực hiện hợp đồng vay với Ngân hàng Raiffeisenlandesbank, Áo để thanh toán cho hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện với giá trị khoảng **640 tỷ** đồng (tương đương 29,1 triệu USD).
- Về vay thương mại trong nước: Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty đã ký kết và đang thực hiện hợp đồng với các ngân hàng thương mại trong nước với tổng số là **4.600 tỷ** đồng, trong đó:
 - Đã ký kết HĐ **2.900 tỷ** đồng (phí biên 3,5%) vào ngày 16/6/2015 và đang thực hiện hợp đồng.
 - Đã cam kết bổ sung **1.700 tỷ** đồng (phí biên 3%, không tính phí trả nợ trước hạn) vào ngày 23/3/2017. Cụ thể:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Tên TCTD	Hạn mức cho vay lần đầu	Hạn mức điều chuyển	Hạn mức cho vay bổ sung	Hạn mức sau khi điều chỉnh
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Bình Định	850	-	600	1.450
2	Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu-CN Quy Nhơn	850	- 400	-	450
3	Ngân hàng TMCP phát triển TP Hồ Chí Minh-CN Hiệp Phú	500	-	100	600
4	Nhóm các chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (CN Kon Tum đầu mối)	700	+400	500	1.600
5	Nhóm các chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (CN Bình Định đầu mối)	-	-	500	500
	Tổng cộng	2.900		1.700	4.600

3. Chương trình sẽ thu xếp vốn cho dự án theo TMĐT điều chỉnh lần 2:

Tình hình vốn đầu tư hiện nay:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
	Tổng mức đầu tư		
1	TMĐT sau thuế VAT	9.428	
2	Thuế VAT	658	
3	TMĐT trước thuế VAT	8.770	

Nguồn vốn tài trợ			
1	Vốn tự có	2.631	30%
2	Vốn vay	6.139	70%
	Tổng nguồn vốn	8.770	100%

Tổng vốn đầu tư sau thuế của TKT dự kiến trình ĐHCĐ vào ngày 04/06/2019 tới là 9.428 tỷ đồng và trước thuế là 8.770 tỷ đồng.

Tính đến ngày 31/03/2019, TKT đã được giải ngân 7.581 tỷ đồng sau thuế, tương ứng với 7.160 tỷ đồng trước thuế. Trong đó vốn tự có là 2.634 tỷ đồng và 4.526 tỷ đồng vay từ các ngân hàng.

Tổng nguồn vốn tự có: 2.634 tỷ đồng. Trong đó có 115 tỷ đồng là nguồn vốn vay từ VSH chuyển qua và 189 tỷ đồng bảo lãnh của Tổ hợp nhà thầu. Nếu loại trừ 02 khoản này (304 tỷ đồng) thì nguồn vốn tự có của VSH cho dự án TKT là 2.330 tỷ đồng.

Tình hình giải ngân của các ngân hàng:

Stt	Ngân hàng	Hạn mức đã ký (tỷ đồng)	Đã giải ngân (tỷ đồng)	Số dư đến 31/3/2019	Lãi suất áp dụng (%)
1	BIDV Bình Định	1.450	1.421	1.418	10,20%
2	VCB Kontum	1.200	1.200	1.195	10,09%
3	VCB Gia Lai	400	400	398	10,30%
4	ACB Bình Định	450	450	446	10,60%
5	HDBank Hiệp Phú	600	497	492	10,30%
6	Vietinbank Bình Định	500	-	-	-
7	Raiffeisen Landesbank (Áo)	677	577	577	-
	Tổng cộng	5.277	4.546	4.526	-

Nguồn vốn dự kiến 9 tháng cuối năm 2019:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)	Ghi chú
-	Giá trị còn đầu tư đến 31/12/2019 (bao gồm VAT)	1.847	TMĐT cập nhật T3/2019 – Giá trị đã thanh toán đến 31/3/2019
-	Thuế VAT hoàn lại	237	
1	Giá trị còn đầu tư trước VAT	1.610	
2	Nhu cầu vốn cho Dự án	1.610	
	- Trong đó: thanh toán lãi vay	407	
3	Trả nợ gốc dự án đến hạn	57	Lịch trả nợ
	Tổng nhu cầu vốn	1.667	

Tổng nhu cầu vốn của TKT còn lại khoảng 1.667 tỷ đồng. Nếu trừ phần lợi nhuận sau thuế và khấu hao từ VSH 9 tháng cuối năm còn lại khoảng 180 tỷ đồng cộng vốn lưu động cho VSH là 80 tỷ đồng thì nhu cầu vốn thực tế của TKT là 1.567 tỷ đồng.

Trong trường hợp trừ khoản bảo hành công trình của nhà thầu khoảng 210 tỷ đồng và 100 tỷ đồng còn được giải ngân từ khoản vay nước ngoài cho gói thiết bị thì nhu cầu vốn thực tế là **1.257** tỷ đồng.

Do vậy, để đảm bảo có nguồn vốn kịp thời cho Dự án Thượng Kontum, kính trình ĐHCĐ cho phép Công ty VSH được phát hành trái phiếu doanh nghiệp với tổng trị giá dự kiến là 1.257 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn còn thiếu của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tài sản đảm bảo là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn. Trong trường hợp không phát hành được thì Ủy quyền cho HĐQT làm việc với các ngân hàng thương mại để vay từ 600 tỷ đến 1.257 tỷ đồng và nguồn vốn đối ứng cho khoản vay này là phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ cho nhà đầu tư với tổng giá trị dự kiến là 300 tỷ đồng với giá chuyển đổi dự kiến là 15.000 đồng/cổ phiếu (chi tiết hai phương án đính kèm).

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh xin chân thành cảm ơn Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông và các thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian qua đã có nhiều đóng góp tích cực với Ban điều hành để Công ty vượt qua khó khăn trước mắt cũng như lâu dài, đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định, tích lũy vốn và triển khai thi công xây dựng Dự án thủy điện Thượng Kon Tum đảm bảo tiến độ đã được HĐQT phê duyệt, phát điện các tổ máy vào cuối năm 2019.

Xin trân trọng cảm ơn!



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thanh